TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-5-2019.
V/v "*Ly hôn giữa bà T với ông M*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp H, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Cao Hoàng M, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp H, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà T có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông M tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 6 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M thường xuyên cờ bạc, uống rượu, qua đêm ở bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M không thay đổi. Ông bà đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông M không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Trong quá trình chung sống, bà và ông M có 01 con chung là cháu Cao Hoàng M sinh ngày 25/11/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 02/5/2019, bị đơn ông Cao Hoàng M trình bày: Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: ông đồng ý để bà T nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án trong những lần Tòa án triệu tập để hòa giải và xét xử nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh T đối với với ông Cao Hoàng M; giao cháu Cao Hoàng M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T khởi kiện bị đơn ông Cao Hoàng M. Hiện nay, ông M cư trú tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Cao Hoàng M có Đơn xin vắng mặt đề ngày 02/5/2019, yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông M tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10 tháng 6 năm 2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M thường xuyên cờ bạc, uống rượu, qua đêm ở bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M không thay đổi. Ông bà đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm của bà đối với ông M không còn nên bà xin được ly hôn với ông M. Tại Đơn xin vắng mặt ngày 02/5/2019, ông M cũng đồng ý ly hôn với bà T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: sau khi ly hôn bà T xin nuôi con chung là cháu Cao Hoàng M sinh ngày 25/11/2011. Xét thấy, cháu Cao Hoàng M hiện đang sống chung với bà T, có cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định, ông M cũng đồng ý để bà T nuôi chung. Tại biên bản lấy kiến của Tòa án, cháu Min có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Cao Hoàng M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại

Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Cao Hoàng M.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Cao Hoàng M sinh ngày 25/11/2011 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông M cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002595 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã ĐT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương